TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS-ST
Ngày 22-9-2023
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Thanh Sơn.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Chương.
- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Trần Thị Chính - Thẩm tra viên.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2023/TLST-DS ngày 14/04/2023 về việc*:"Kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-TCDS ngày 02/08/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐ-TA ngày 29/8/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP QT (VQT).

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 và tầng 2, Tòa nhà S -111A, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thành C; chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ - Trung tâm quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ 2 - Khối Ngân hàng bán lẻ VQT; địa chỉ; Tòa nhà C, số 04T, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (văn bản ủy quyền số 10708.3.22 ngày 03/10/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP QT).

Người được ủy quyền lại: Ông Vũ Tiến B, ông Đào Duy H và bà Vũ Thị C; đều chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP QT; địa chỉ: Tòa nhà C, số 04T, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (văn bản ủy quyền số 017587.23 ngày 22/02/2023 của Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ - Trung tâm quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ 2 - Khối Ngân hàng bán lẻ VQT).

* *Bị đơn:* Ông Lê Văn V, sinh năm 1984 và bà Đỗ Thị N, sinh năm 1981; cùng địa chỉ: Xóm M, xã L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt bà Vũ Thị C. Ông Lê Văn V và bà Đỗ Thị N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đều trình bày: Ngày 26/05/2021, Ngân hàng Thương mại Cổ phần QT (viết tắt là VQT) và ông Lê Văn V, bà Đỗ Thị N có ký Hợp đồng tín dụng số 2898637.21 về việc VQT cho vợ chồng ông V, bà N vay số tiền là 564.000.000 đồng; thời hạn cho vay là 180 tháng kể từ ngày 27/05/2021 đến ngày 26/05/2036; hoàn trả khoản tín dụng gốc và lãi vào ngày 20 hàng tháng, mỗi tháng trả gốc 3.140.000đồng, số còn lại trả khi đến hạn, lãi trả theo dư nợ thực tế phát sinh bắt đầu từ ngày 20/6/2021; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 10,1%/năm (lãi suất ưu đãi) áp dụng trong 12 tháng đầu tiên, từ năm thứ hai trở đi lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm + biên độ 4,1%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay để sửa chữa nhà không làm thay đổi kết cấu (bao gồm cả mua sắm trang thiết bị). Ngoài ra ngày 14/05/2021, cá nhân ông Lê Văn V còn ký Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế hạn mức là 56.000.000đồng với Ngân hàng, đến ngày 15/11/2021 ông V ký Yêu cầu cung cấp dịch vụ thẻ tín dụng tăng hạn mức thẻ tín dụng lên 84.000.000đồng. Sau khi các bên ký hợp đồng tín dụng và yêu cầu cung cấp dịch vụ thẻ tín dụng, toàn bộ khoản vay của Hợp đồng tín dụng và Thẻ tín dụng quốc tế ông V, bà N đã được Ngân hàng giải ngân theo đúng yêu cầu và nội dung của hợp đồng. Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ vay, ông V và bà N đã ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 296, tờ bản đồ PL14, diện tích 194m^2 đất ở nông thôn tọa lạc tại xóm M, xã L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất ngày 26/01/2021 đứng tên ông Lê Văn V, hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng số 4 tỉnh Hà Nam, số công chứng: 831, quyển số: 02/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/05/2021 và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện các hợp đồng, ông V và bà N mới trả cho VQT được khoản tiền là 118.417.728đồng, trong đó nợ gốc là 47.130.367đồng, lãi trong hạn là 70.817.611đồng và lãi quá hạn là 469.750đồng. Từ tháng 09/2022, ông V và bà N không tiếp tục thực hiện việc thanh toán trả các khoản nợ cho Ngân hàng, vi phạm các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng do đó Ngân hàng đã chuyển khoản nợ đã vay thành nợ quá hạn. Nay Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu ông V và bà N phải thanh toán trả ngay toàn bộ các khoản nợ bao gồm nợ gốc, lãi, phí phát sinh tạm tính đến ngày 22/02/2023 tổng cộng là 719.688.107đồng trong đó nợ Hợp đồng tín dụng là 554.493.850đồng (gồm nợ gốc là 516.869.633đồng, lãi trong hạn là 35.862.038đồng, lãi quá hạn là 1.762.179đồng), nợ Thẻ tín dụng quốc tế là 165.194.257đồng (gồm nợ gốc là 81.025.175đồng, nợ lãi, phí là 84.169.082đồng), ngoài ra kể từ ngày 23/02/2023 cho đến khi tất toán toàn bộ các khoản nợ vay ông V, bà N vẫn phải chịu lãi, phí, lãi phát sinh của khoản nợ còn chưa trả với mức lãi suất đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết và Thẻ tín dụng quốc tế đã phát hành. Trong trường hợp ông V, bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì VQT có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại xử lý tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất các bên đã ký kết để thu hồi vốn vay cho Ngân hàng. Trường hợp đã xử lý tài sản

thế chấp nhưng vẫn không đủ để thanh toán các khoản nợ phải trả thì ông V, bà N vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

* Bị đơn trong vụ án gồm ông Lê Văn V và bà Đỗ Thị N trong quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt không có lý do khi Tòa án triệu tập giải quyết vụ án. Xác minh tại nơi bị đơn cư trú đã xác định ông V, chi N có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã L, thành phố Phủ Lý nhưng hay đi làm ăn xa, không thường xuyên có mặt tại địa phương. Sinh sống cùng gia đình ông V, bà N có bố mẹ đẻ của ông V, tuy nhiên khi Tòa án thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng cho ông V, bà N thông qua người thân thích trong gia đình thì họ đều từ chối nhận thay cho đương sự. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với bị đơn trong vụ án theo quy định của pháp luật.

* Đại diện UBND xã L, thành phố Phủ Lý xác nhận: Thửa đất số 296, tờ bản đồ PL14, diện tích 194m^2, loại đất ở nông thôn tọa lạc tại xóm M, xã L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/01/2021 đứng tên ông Lê Văn V có nguồn gốc là do ông V được nhận tặng cho quyền sử dụng đất từ bố mẹ đẻ. Hiện tại thửa đất do ông V, bà N đang quản lý, sử dụng, không có sự chuyển dịch quyền sử dụng đất hợp pháp cho người khác.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên, không thay đổi, bổ sung nội dung yêu cầu khởi kiện và xác định không có thỏa thuận, thống nhất nào giữa các bên về việc giải quyết nội dung tranh chấp trong vụ án được ghi nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật do được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến, quan điểm về việc bị khởi kiện và tham gia tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Về nội dung tranh chấp trong vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 68, 144, 147, 184, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 275, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc ông Lê Văn V và bà Đỗ Thị N phải thanh toán trả các khoản nợ gồm nợ gốc, lãi phát sinh của Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết.
- Buộc ông Lê Văn V phải thanh toán trả các khoản nợ gốc, lãi, phí phát sinh của Thẻ tín dụng đã phát hành.
- Bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, nghe Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện và thủ tục tố tụng:

1.1. Tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ giao dịch dân sự theo hợp đồng vay tài sản (hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp thẻ tín dụng); bị đơn có địa chỉ tại xóm M, xã L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp hợp đồng giữa các đương sự thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

1.2. Tranh chấp dân sự trong vụ án vẫn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa mở lần thứ hai, bị đơn trong vụ án gồm ông Lê Văn V và bà Đỗ Thị N vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1. Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP QT (VQT) đối với ông Lê Văn V và bà Đỗ Thị N về việc thanh toán, trả các khoản nợ đã vay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 26/05/2021, ông Lê Văn V và bà Đỗ Thị N có ký với VIB Hợp đồng tín dụng số 2898637.21 vay số tiền là 564.000.000đồng, thời hạn cho vay là 180 tháng, hoàn trả nợ gốc là 3.140.000đồng vào ngày 20 hàng tháng, số nợ còn lại trả khi đến hạn, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 10.1%/năm (lãi suất ưu đãi) áp dụng trong 12 tháng đầu tiên, từ năm thứ hai trở đi lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm + biên độ 4,1%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay để sửa chữa nhà không làm thay đổi kết cấu (bao gồm cả mua sắm trang thiết bị). Ngoài ra, ngày 14/05/2021 cá nhân ông Lê Văn V còn ký với VIB Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức 56.000.000đồng, sau đó ngày 15/11/2021 ông V ký Yêu cầu cung cấp dịch vụ thẻ tín dụng tăng hạn mức thẻ tín dụng lên 84.000.000đồng. Xét thấy, hợp đồng vay vốn và hợp đồng cấp thẻ tín dụng giữa các bên được giao kết trên cơ sở thỏa thuận và tự nguyện, nội dung, hình thức không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên hoàn toàn hợp pháp. Sau khi ký kết các hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân đầy đủ các khoản vốn vay của Hợp đồng tín dụng và Thẻ tín dụng quốc tế cho ông V, bà N theo đúng yêu cầu và nội dung của hợp đồng. Quá trình thực hiện các hợp đồng, ông V, bà N đã không thực hiện việc trả nợ đầy đủ và đúng hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay, do đó phải chịu trách nhiệm dân sự đối với nghĩa vụ thanh toán trả các khoản tiền gồm nợ gốc, lãi và chi phí phát sinh theo nội dung hợp đồng các bên đã thỏa thuận. Do Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông V, bà N thanh toán trả các khoản nợ còn tồn đọng nhưng không có kết quả nên xét yêu cầu của Ngân hàng buộc ông V, bà N phải thanh toán trả ngay các khoản nợ bao gồm nợ gốc, lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ các bên đã ký kết và dư nợ của Thẻ tín dụng quốc tế đã phát hành thấy hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 463, 466

và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn thi hành nên cần được xem xét, chấp nhận.

2.2. Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản ông V, bà N đã thế chấp khi vay vốn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Để đảm bảo việc thanh toán các khoản nợ đã vay, ông V và bà N đã thế chấp tài sản của gia đình cho Ngân hàng là quyền sử dụng đất thửa đất số 296, tờ bản đồ PL14, diện tích 194m^2 đất ở nông thôn tọa lạc tại xóm M, xã L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên ông Lê Văn V ngày 26/01/2021, hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại Văn phòng công chứng số 4 tỉnh Hà Nam, tại số công chứng: 831, quyển số: 02/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/05/2021 và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Xét thấy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức, nội dung, trình tự thủ tục tuân thủ đúng quy định của pháp luật, mục đích là để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả các khoản nợ đã vay nên hoàn toàn hợp pháp. Vì vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bị đơn đã thế chấp để bảo đảm cho việc thanh toán khoản nợ đã vay khi bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thấy có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Đối với khoản chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đại diện VIB đã tự bỏ ra thanh toán toàn bộ và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được hoàn trả lại khoản tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo quy định tại các Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 184, 227, 228, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 275, 292, 293, 295, 298, 299, 307, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 429, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần QT (VQT):

1.1. Buộc ông Lê Văn V và bà Đỗ Thị N phải thanh toán trả cho VIB khoản tiền chưa thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số 2898637.21 và Khế ước nhận nợ số 2898637(1).21 các bên đã ký kết ngày 26/05/2021 tính đến hết ngày 22/9/2023 bao gồm nợ gốc là 516.869.633đồng, lãi trong hạn là 37.743.749đồng và lãi quá

hạn là 71.322.047đồng, tổng cộng là 625.935.429đồng (*Sáu trăm hai mươi lăm triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn, bốn trăm hai mươi chín đồng*).

1.2. Buộc ông Lê Văn V phải thanh toán trả cho VIB khoản tiền chưa thanh toán của Thẻ tín dụng quốc tế đã phát hành tính đến hết ngày 22/9/2023 gồm nợ gốc là 81.025.175đồng, nợ lãi là 43.279.207đồng, nợ phí là 119.748.253đồng, tổng cộng là 244.052.635đồng (*Hai trăm bốn mươi bốn triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, sáu trăm ba mươi lăm đồng*).

1.3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Văn V và bà Đỗ Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp quy định của pháp luật.

1.4. Trường hợp ông Lê Văn V và bà Đỗ Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho VQT thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản ông V, bà N đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất công chứng tại Văn phòng công chứng số 4 tỉnh Hà Nam, số công chứng: 831- Quyển số: 02/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/05/2021 để đảm bảo thi hành án.

1.5. Trường hợp sau khi đã xử lý tài sản thế chấp mà vẫn chưa thanh toán trả được hết nợ cho Ngân hàng thì ông V và bà N vẫn phải tiếp tục thanh toán trả các khoản nợ cho đến khi trả hết nợ cho VQT.

2. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

3. Án phí:

3.1. Ông Lê Văn V và bà Đỗ Thị N phải nộp 29.037.400đồng (*Hai mươi chín triệu không trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ thanh toán khoản nợ của Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

3.2. Ông Lê Văn V phải nộp 12.203.000đồng (*Mười hai triệu hai trăm linh ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ thanh toán khoản nợ của Thẻ tín dụng quốc tế đã phát hành.

3.3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần QT (VQT) được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 16.394.000 đồng (*Mười sáu triệu ba trăm chín mươi tư nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0001637 ngày 14/04/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đãký)

Lê Thanh Sơn